TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày 01 - 6 - 2020 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu thanh toán công sức đóng góp khi ly hôn và yêu cầu bồi thường tổn thất sức khỏe	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thưởng.

Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 5 năm 2020 và 01 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Triệu Văn T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Triệu Văn C, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lành Thị G, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Bà Linh Thị X, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Anh Triệu Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Bà Triệu Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2019, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Triệu Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn năm 2013, trước khi kết hôn có được tìm hiểu yêu thương, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng bắt đầu thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, anh và chị N đã ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị Hoàng Thị N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị Hoàng Thị N có được 02 con chung là Triệu Đức T, sinh ngày: 31/8/2014 và Triệu Thị Diệu T, sinh ngày: 17/9/2016, hiện cả hai con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Triệu Đức T và Triệu Thị Diệu T đến khi các con đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, chị N có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về yêu cầu của chị N yêu cầu anh phải thanh toán công sức đóng góp và bồi thường tổn thất tinh thần: Ngày 07/01/2020, anh có được thanh toán cho chị Hoàng Thị N số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tại Tòa án, đó là tiền anh trả công sức đóng góp của chị Hoàng Thị N, chị N đã nhất trí nhận số tiền, hai bên chỉ giao tiền cho nhau, không lập biên bản gì. Tuy nhiên, sau buổi làm tại Tòa án, chị N yêu cầu được lên nhà anh để lấy các đồ đạc của chị, anh đồng ý, khi lên đến nhà chị N đã cố tình gây sự, đập bát đĩa giữa nhà anh và chửi bới anh, việc chị làm như vậy gia đình anh là người dân tộc rất kiêng kị nên anh đã bực tức có tát

chị một cái và đá vào mông chị một cái. Sau đó, chị lại càng gây sự nên anh cầm dao đuổi theo chị, việc anh cầm dao chỉ là để đuổi chị ra khỏi nhà chứ không định làm gì chị. Chị N bảo 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) là tiền vàng hồi môn của chị là không đúng, đó là tiền anh thanh toán cho chị công sức chị đóng góp. Nay, chị N rút không yêu cầu thanh toán công sức đóng góp, anh đồng ý, anh cũng không có ý kiến gì về số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) đã thanh toán cho chị N. Đối với việc chị N yêu cầu anh phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho chị số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng), anh không đồng ý. Toàn bộ sự việc là do chị tự gây ra, anh không có trách nhiệm phải thanh toán cho chị.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn T kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn vợ chồng chị được tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác nên đã lạnh nhạt với chị, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Nay anh T xin ly hôn với chị, chị đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 02 con chung là Triệu Đức T, sinh ngày: 31/8/2014 và Triệu Thị Diệu T, sinh ngày: 17/9/2016, hiện cả hai con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị để anh Triệu Văn T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Triệu Đức T và Triệu Thị Diệu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về yêu cầu thanh toán tiền công sức đóng góp và bồi thường tổn thất tinh thần: Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị N đã có đơn phản tố yêu cầu anh T phải thanh toán cho chị tiền công sức đóng góp trong thời gian chị làm vợ anh T từ năm 2013 đến năm 2019, tổng cộng là 2.190 ngày x 100.000đ/ngày = 219.000.000đ và yêu cầu anh T thanh toán cho chị số tiền 10.000.000đ để bồi thường tổn thất tinh thần của chị do ngày 07/01/2020 anh đã đánh và cầm dao đuổi chị sau khi hai bên từ Tòa án về nhà anh T. Tại phiên tòa, chị xin được rút yêu cầu thanh toán tiền công sức đóng góp, vẫn giữ nguyên yêu cầu anh T phải bồi thường tổn thất tinh thần cho chị. Đối với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), đó là tiền vàng hồi môn của chị khi lấy chồng được bên nhà bố mẹ đẻ cho, anh T đã thanh toán cho chị, chị không có ý kiến gì.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Văn C trình bày:

Anh Triệu Văn T là con trai ông, sau khi anh T kết hôn với chị Hoàng Thị N anh chị chung sống với vợ chồng ông từ năm 2013 đến cuối năm 2016, được vợ

chồng ông xây nhà cho anh chị mới ra ở riêng. Sau khi kết hôn chị N chỉ ở nhà phụ giúp gia đình, trông con, nội trợ còn anh T đi lái xe thuê. Việc chị N yêu cầu phải thanh toán công sức đóng góp của chị trong 6 năm lấy anh T ông không đồng ý, vì toàn bộ các việc lớn nhỏ trong gia đình anh T đều do vợ chồng ông bà đứng ra lo liệu. Tại phiên tòa chị N xin rút yêu cầu đòi bồi thường công sức đóng góp, ông cũng nhất trí. Đối với việc chị N yêu cầu anh T phải bồi thường 10.000.000đ (mười triệu đồng) do chị bị anh T đánh, tổn thất tinh thần của chị, ông không đồng ý do chị về nhà gây sự với anh T nên mới bị anh T đuổi đánh như vậy.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị X trình bày:

Anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N sau khi kết hôn ở chung cùng vợ chồng bà từ năm 2013 đến cuối năm 2016, sau khi vợ chồng bà xây nhà cho anh chị, anh chị mới ra ở riêng. Sau khi kết hôn chị N chỉ ở nhà phụ giúp gia đình, trông con, nội trợ còn anh T đi lái xe thuê. Việc chị N yêu cầu phải thanh toán công sức đóng góp của chị trong 6 năm lấy anh T bà không đồng ý, vì toàn bộ các việc lớn nhỏ trong gia đình anh T đều do vợ chồng bà đứng ra lo liệu. Tại phiên tòa, chị N đã rút yêu cầu nên bà nhất trí, không có ý kiến gì. Đối với việc chị N yêu cầu anh T phải bồi thường cho chị số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) do chị bị anh T đuổi đánh làm tổn thất tinh thần, bà không đồng ý vì hôm đó bà cũng được chứng kiến, anh T chỉ đuổi theo chị N, chị không bị ảnh hưởng gì và nguyên nhân chị bị đuổi đánh như vậy cũng là do chị cố tình gây sự với anh T.

Những người làm chứng bà Lành Thị G, chị Hoàng Thị H, bà Linh Thị X, anh Triệu Văn H, bà Triệu Thị T trình bày:

Ngày 07/01/2020, tất cả có được chứng kiến sự việc anh T cầm dao, đuổi đánh chị Hoàng Thị N, mặc dù chị N chưa bị làm sao nhưng đã làm ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần của chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho chị N.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần thực hiện đúng việc thụ lý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đối với các tài liệu Tòa án thu thập bổ sung việc chuyển chưa thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chấp hành đúng các quy định tại Điều 70 đến Điều 73, Điều 77, Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 55, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N, anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Triệu Đức T và Triệu Thị Diệu T đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về yêu cầu phản tố: Tại phiên tòa chị Hoàng Thị N đã rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu nguyên đơn anh T phải bồi thường công sức đóng góp trong thời gian chung sống là 219.000.000đ. Đối với yêu cầu anh T phải bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi cầm dao đuổi, đe dọa chị ngày 07/01/2020 thuộc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, không nằm trong phạm vi những tranh chấp về hôn nhân và gia đình tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo khoản 4 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu của chị N không liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn là anh Triệu Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Triệu Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn chị Hoàng Thị N có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã C, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2013, anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Cuộc sống chung của anh T, chị N hạnh phúc được một thời gian, sau đó đến năm 2019 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, anh, Thọ, chị N đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Nay anh T xác định không còn tình cảm gì với chị N, anh xin được ly hôn với chị. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng giữa anh T, chị N không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T và chị N đều đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Căn cứ vào Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T và chị N có 02 con chung là Triệu Đức T, sinh ngày: 31/8/2014 và Triệu Thị Diệu T, sinh ngày: 17/9/2016, hiện cả hai con đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, cả anh T và chị N đều thống nhất cho anh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Đức T và cháu Triệu Thị Diệu T đến khi đủ 18 tuổi. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở. Xét thấy, từ sau khi anh T, chị N ly thân, các con chung của anh chị sống cùng anh T, anh T vẫn đảm bảo được các điều kiện tốt nhất để chăm sóc các con. Hơn nữa, cả anh T và chị N đều nhất trí để các con chung cho anh T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, vì vậy, cần công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị N. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Triệu Đức T, sinh ngày: 31/8/2014 và Triệu Thị Diệu T, sinh ngày: 17/9/2016 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị N không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom các con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Đối với yêu cầu dân sự của chị Hoàng Thị N:

- Đối với yêu cầu về thanh toán công sức đóng: Chị N yêu cầu anh T thanh toán cho chị số tiền công sức đóng góp trong 06 năm làm vợ anh là 2.190 ngày (từ năm 2013 – năm 2019) x 100.000/ngày = 219.000.000đ (hai trăm mười chín triệu đồng). Tuy nhiên, tại phiên tòa chị rút yêu cầu về tiền công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên.

- Đối với yêu cầu đòi bồi thường tổn thất tinh thần, do chị N cho rằng chị bị anh T cầm dao đuổi đánh, tuy nhiên trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chị bị tổn thất tinh thần, theo hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc chị N trình bày chưa có đủ cơ sở để xem xét. Vì vậy, căn cứ các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị.

[7] Về án phí: Anh Triệu Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, chị Hoàng Thị N phải chị án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 144; Điều 150; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 5, 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N, giao cháu Triệu Đức T, sinh ngày 31/8/2014 và cháu Triệu Thị Diệu T, sinh ngày 17/9/2016 cho anh Triệu Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về yêu cầu dân sự của chị Hoàng Thị N:

- Đình chỉ một phần về yêu cầu thanh toán công sức đóng góp.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc anh Triệu Văn T phải bồi thường tổn thất tinh thần số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng) của chị Hoàng Thị N.

6. Về án phí: Anh Triệu Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh T đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000165, ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Chị Hoàng Thị N phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị N đã nộp 5.475.000đ (năm triệu bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000218, ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Trả lại cho chị N số tiền 4.975.000đ (bốn triệu chín trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết